

Số: 546 /BVĐK-VTTBYT
Về việc mời báo giá vật tư y tế

Ninh Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh vật tư y tế

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua vật tư y tế sử dụng cho khoa Thăm dò chức năng, Thận nhân tạo, Răng hàm mặt, Ngoại tổng hợp, Phụ sản với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ ông Nguyễn Tử Thành Linh, SĐT 0913.358.372 để được giải đáp)

- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc qua chuyển phát nhanh tại Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

- Nhận bản giấy:

Các đơn vị gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):

Bộ phận Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

- Nhận bản scan màu qua email: vtytbvdknb@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17h ngày 26/4/2026.

Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (*thời điểm báo có thư đến*) tùy thời điểm nào đến trước.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 180 ngày**, kể từ thời điểm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:


- Danh mục vật tư (có phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp:
 - Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
 - Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Vận chuyển, bốc xếp, bàn giao tại Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày đặt hàng.
4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không
 - Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản. Thời gian thanh toán: 90 ngày kể từ ngày hoàn thành hồ sơ thanh toán.
5. Các thông tin khác
 - Tình trạng hàng hóa: mới 100%.
 - Mẫu báo giá: Theo mẫu báo giá kèm theo công văn này. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải)
- Lưu: VT, TCKT, VT-TBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuyên

DANH MỤC SỐ LƯỢNG MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo công văn số 546 /BVĐK-VTTBYT ngày 15 /4/2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
1	Dây dẫn đường mật	Cái	Đường kính khoảng 0.025inch đến 0.035 inch. Đầu tip được phủ lớp Tungsten, ái nước, có dạng thẳng hoặc cong. Chiều dài dây dẫn từ 260cm đến 450cm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	45
2	Dao cắt cơ vòng	Cái	Phù hợp với kênh làm việc 2.8mm trở lên; chiều dài làm việc từ 2000mm đến 2100mm. Chiều dài đầu tip D: $3\text{mm} \leq D \leq 7\text{mm}$. Dao có 3 kênh riêng biệt (cho dao, dây dẫn, kênh bơm). Đạt chứng nhận: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	50
3	Dao cắt trước	Cái	Tương thích kênh làm việc 2.8mm, thiết kế đầu cắt an toàn, chiều dài làm việc $\geq 2000\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	2
4	Bóng nong đường mật	Cái	Tương thích kênh làm việc 2.8mm hoặc 3.2mm. Đường kính bóng khi bơm căng từ 6mm đến 15mm. Chiều dài làm việc $\geq 2000\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Châu Âu/ G7	40
5	Bóng kéo sợi đường mật	Cái	Bóng có nhiều kích cỡ bơm trong khoảng 8.5-15mm, tương thích dây dẫn 0.025inch, 0.035 inch. Tương thích kênh 2.8mm trở lên của dây nội soi. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Châu Âu/ G7	55

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
6	Rọ lấy sỏi đường mật dùng trong nội soi	Cái	Rọ thiết kế 4 đến 8 dây bằng thép không gỉ hoặc Nitinol. Tương thích với dây dẫn hướng 0.025 inch, 0.035 inch Kích thước mở rọ từ 15mm đến 30mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	20
7	Stent nhựa đường mật	Cái	Stent nhựa có tối thiểu 3 cỡ từ 7Fr đến 10Fr. Chiều dài đa dạng: 5 - 12cm. Loại thẳng và loại đuôi heo. Dây catheter có điểm đánh dấu huỳnh quang. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	30
8	Stent kim loại	Cái	Làm bằng hợp kim Nitinol, tự giãn nở. Có màng bọc. Đường kính \geq 8mm. Chiều dài từ 4-12cm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC	Châu Âu/ G7	2
9	Ống kim loại trong bộ tán sỏi cơ học đường mật cấp cứu	Cái	Tương thích với rọ lấy sỏi, cáp kéo chịu lực cao, vỏ bọc kim loại linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Châu Âu/ G7	1
10	Bộ tán sỏi có chuẩn bị	Cái	Gồm rọ tán sỏi, tay quay, ống kim loại chịu lực. Tương thích với kênh làm việc của máy nội soi từ 2,8mm trở lên. Tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.	Châu Âu/ G7	2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
11	Bộ đẩy stent nhựa	Cái	Tương thích với các loại stent nhựa cỡ 7-10Fr. Chiều dài ≥ 200 cm. Catheter có điểm đánh dấu huỳnh quang, có cổng ra dây dẫn hướng dễ nhìn. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.	Châu Âu/ G7	10
12	Catheter đường mật	Cái	Đầu ống cong tương thích với dây dẫn 0.025inch, 0.035 inch. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.	Châu Âu/ G7	5
13	Bơm áp lực	Cái	Bơm áp lực dùng cho bóng nong trong nội soi can thiệp, dung tích ≥ 20 ml, áp lực tối đa ≥ 20 atm, có đồng hồ đo áp lực, cơ chế khóa áp, đầu nối Luer lock. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	3
14	Dao điện đầu kim	Cái	Tương thích kênh dụng cụ: 2.8mm. Đường kính ngoài ≤ 2.4 mm, chiều dài đầu dao từ 1.5mm đến 4mm. Có tính năng phun nước. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	30
15	Dao điện có đầu cách điện	Cái	Dao cắt hút niêm mạc với đầu bọc sứ có tính năng cách điện. Chiều dài làm việc ≥ 1950 cm. Tương thích với kênh dụng cụ đường kính từ 2.8mm trở lên. Chiều dài của đầu dao từ 3.0mm đến 4.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
16	Dao điện đầu móc	Cái	Có khả năng xoay, chiều dài lưỡi khoảng 4–5 mm, dùng để móc và cắt mô xơ. Chiều dài làm việc ≥ 1950 cm. Tương thích với kênh dụng cụ đường kính từ 2.8mm trở lên. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	2
17	Dao điện nội soi đầu tam giác	Cái	Có khả năng cắt đa hướng. Chiều dài lưỡi dao 4-4,5mm. Chiều dài làm việc ≥ 1950 cm. Tương thích với kênh dụng cụ đường kính từ 2.8mm trở lên. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	2
18	Kẹp cầm máu	Cái	Có thể xoay 360 độ. Có điểm đánh dấu trên vỏ kim giúp xác định chiều dài chèn vào ống nội soi. Đầu có dạng rãnh hoặc ngàm thon, độ mở ≥ 5 mm. Chiều dài làm việc ≥ 1950 cm. Tương thích với kênh dụng cụ đường kính từ 2.8mm trở lên. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	Châu Âu/ G7	10
19	Kim tiêm cầm máu dạ dày, đại tràng	Cái	Chiều dài làm việc ≥ 180 cm. Mũi kim dài 4 đến 6mm. Đường kính kim: 21G đến 25G. Tương thích kênh 2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA		140

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
20	Clip cầm máu hai chiều	Cái	Xoay được 360 độ, có thể đóng mở nhiều lần. Tương thích kênh 2.8mm, độ mở 10 đến 20mm. Chiều dài: 2300mm ± 100mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		1.000
21	Bộ thắt giãn tĩnh mạch thực quản	Cái	Có tay cầm dễ điều khiển. Bộ thắt đa vòng (4 đến 6 vòng cao su), đầu thắt tương thích với máy nội soi có đường kính từ 9-12mm, có dây kích hoạt kéo qua kênh dụng cụ đường kính từ 2.8mm trở lên. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		100
22	Đầu thắt giãn tĩnh mạch thực quản	Cái	Bộ thắt đa vòng (4 đến 6 vòng cao su), đầu thắt tương thích với máy nội soi có đường kính từ 9-12mm, có dây kích hoạt kéo qua kênh dụng cụ đường kính từ 2.8mm trở lên. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		100
23	Bộ súng và bột phun cầm máu	Cái	Bao gồm: Ống chứa bột cầm máu. Catheter phun qua kênh thủ thuật nội soi. Tay cầm + hệ thống tạo áp lực (CO ₂ hoặc khí nén). Hệ thống kích hoạt. Bột cầm máu dạng vô khuẩn, tạo hàng rào cơ học tại vị trí chảy máu, không chứa protein nguồn gốc người hoặc động vật. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.	Châu Âu/ G7	5

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
24	Bóng Blakemore	Cái	Ống chèn ép thực quản – dạ dày điều trị xuất huyết tiêu hóa do giãn tĩnh mạch, loại 3 lòng, có bóng dạ dày và bóng thực quản riêng biệt; bóng dạ dày dung tích ≥ 250 ml; bóng thực quản chịu áp lực ≥ 45 mmHg; chất liệu mềm, chống gập, có cổng kiểm soát áp lực. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		5
25	Kìm lấy dị vật đường tiêu hoá	Cái	Ngàm cá sấu, răng chuột hoặc răng thỏ. Độ mở ngàm 6.0mm đến 8.5mm. Tương thích kênh 2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		100
26	Kìm lấy dị vật phế quản	Cái	Tương thích kênh làm việc nhỏ (1.2mm đến 2.0mm). Ngàm gấp linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		10
27	Kìm sinh thiết đường tiêu hoá	Cái	Thiết kế ngàm hình oval, gồm cả hai loại có kim và không kim. Chiều dài 160cm đến 230cm. Tương thích kênh 2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		1.000
28	Kìm sinh thiết phế quản	Cái	Đường kính làm việc ≤ 2.0 mm, ngàm cắt sắc bén, linh hoạt qua các nhánh phế quản. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		50
29	Kìm sinh thiết bàng quang	Cái	Đường kính làm việc ≤ 2.0 mm. Tương thích máy nội soi tiết niệu mềm, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		50

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
30	Rọ lưới lấy dị vật tiêu hoá	Cái	Rọ dây kim loại dạng lưới, thiết kế 4 đến 6 dây. Tương thích kênh 2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		100
31	Rọ lấy dị vật phế quản	Cái	Kích thước nhỏ gọn, tương thích kênh làm việc ống soi hô hấp $\leq 2.0\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		10
32	Thùng lọng cắt polyp	Cái	Thùng lọng có vỏ bọc nhựa. Đường kính lọng cắt từ 25mm đến 35mm. chiều dài khoảng $230\text{cm} \pm 10\text{cm}$. Đầu bằng thép không gỉ, có kênh truyền nhiệt. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		1.000
33	Hot biopsy (kẹp sinh thiết nóng)	Cái	Kìm sinh thiết nhiệt cách điện, tương thích dòng điện cao tần. Đường kính tương thích kênh 2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		30
34	Ngáng giữ miệng nội soi	Cái	Ngáng miệng nội soi loại dùng nhiều lần sử dụng cho tất cả các ống nội soi đường tiêu hoá và phế quản, có dây choàng để cố định, lỗ trung tâm mở rộng. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485		100
35	Chổi rửa dài cho máy nội soi	Cái	Đường kính ngoài $\leq 2.4\text{mm}$. Chiều dài làm việc $\geq 2200\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		200

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
36	Chổi rửa ngắn	Cái	Lông chổi dày, thiết kế dùng để làm sạch các van và nút bấm của máy nội soi. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA.		200
37	Stent kim loại tá tràng	Cái	Hợp kim Nitinol tự nong linh hoạt. Đường kính thân ≥ 20 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận FDA.	Châu Âu/ G7	2
38	Stent kim loại đại tràng	Cái	Đường kính ≥ 22 mm, chiều dài đa dạng (6cm đến 12cm). Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận FDA.	Châu Âu/ G7	2
39	Bộ mở thông dạ dày	Cái	Bộ mở thông qua da (PEG kit) chuẩn. Các kích cỡ ống thông từ 20Fr đến 24Fr, chất liệu silicone y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, có giấy chứng nhận FDA.	Châu Âu/ G7	5
40	Bộ dây lọc thận	Cái	Bộ dây chạy thận nhân tạo có cấu tạo sản phẩm gồm: Bộ dây dây dẫn máu (Động mạch và Tĩnh mạch), phin lọc khí. tương thích với nhiều loại máy chạy thận. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		25.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
41	Kim thận nhân tạo	Cái	Kích cỡ kim 16G, chiều dài $\geq 25\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		200.000
42	Quả lọc thận nhân tạo	Quả	Diện tích màng 1,3-1,4 m ² Hệ số siêu lọc: 15-25 (ml/h/mmHg) Thể tích mỗi ≤ 78 ml Độ thanh thải (Với Qb: 300ml/min) Urea ≥ 253 , Creatinine ≥ 220 , Phosphate ≥ 185 , Vitamin B12 ≤ 130 Tiệt trùng: Tia Gamma/Hơi nước Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	G7	15.000
43	Quả lọc thận nhân tạo	Quả	Diện tích: 1.6-1.7 m ² . Thể tích mỗi: ≥ 99 mL. Hệ số siêu lọc: KUF: ≥ 22 (mL/giờ/mmHg). Độ thanh thải (Với Qb: 300ml/min): Ure: ≥ 270 ml/min Creatinine: ≥ 248 ml/min Phosphate: ≥ 221 ml/min Vitamin B12: ≤ 181 ml/min. Tiệt trùng: Tia Gamma/Hơi nước Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA	G7	6.000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
44	Tay dao hàn mạch mổ mở	Cái	Tay dao cắt hàn mạch, hàn mô, đầu cong, hàm phủ nano chống dính. Chiều dài thân dao 23cm ($\pm 5\%$), đường kính $\leq 5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G7	120
45	Tay dao hàn mạch mổ nội soi	Cái	Tay dao cắt hàn mạch, hàn mô, đầu cong, hàm phủ nano chống dính. Chiều dài thân dao 37cm ($\pm 5\%$), đường kính $\leq 5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G7	120
46	Nẹp vít thẳng răng hàm mặt				
46.1	Nẹp thẳng 16 lỗ vít 2.0mm	Cái	<p>Nẹp 16 lỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều dày: có tối thiểu 3 cỡ kích thước $\geq 0,6\text{mm}$; - Chiều dài: $\geq 90\text{mm}$ - Chiều rộng : $\geq 4.5\text{mm}$ - Tương thích vít tự khoan, tự taro 2.0mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		100

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
46.2	Nẹp thẳng 4 lỗ vít 2.0mm	Cái	<p>Nẹp 4 lỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều dày: có tối thiểu 3 cỡ kích thước $\geq 0,6\text{mm}$; - Chiều dài: $\geq 20\text{mm}$ - Chiều rộng : $\geq 4.5\text{mm}$ - Tương thích vít tự khoan, tự taro 2.0mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		30
46.3	Nẹp thẳng 6 lỗ vít 2.0mm	Cái	<p>Nẹp 6 lỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều dày: có tối thiểu 3 cỡ kích thước $\geq 0,6\text{mm}$; - Chiều dài: $\geq 30\text{mm}$ - Chiều rộng : $\geq 4.5\text{mm}$ - Tương thích vít tự khoan, tự taro 2.0mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		20
46.4	Nẹp thẳng 8 lỗ vít 2.0mm	Cái	<p>Nẹp 8 lỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều dày: có tối thiểu 3 cỡ kích thước $\geq 0,6\text{mm}$; - Chiều dài: $\geq 40\text{mm}$ - Chiều rộng : $\geq 4.5\text{mm}$ - Tương thích vít tự khoan, tự taro 2.0mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
46.5	Vít tự khoan tự taro 2.0mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> Vít tự khoan, tự taro - Chất liệu hợp kim titanium - Đường kính 2.0mm tự khoan tự taro - Chiều dài tối thiểu 4 cỡ từ 4mm đến 12mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		1.500
47	Vít buộc hàm đường kính 2.0mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> -Vít cố định xương liên hàm, tự bắt, tự khoan -Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium -Đường kính: 2.0mm, Chiều dài trong khoảng 10mm đến 14mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		50
48	Nẹp vít sàn ổ mắt				
48.1	Nẹp sàn ổ mắt	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp sàn ổ mắt đối xứng - Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium - Chiều dài nẹp: ≥ 40mm - Chiều dày: 0.3mm - Có 6 cánh nẹp, mỗi cánh có ≥ 3 lỗ - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		10
48.2	Vít tự khoan tự taro 1.6mm	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Loại vít: Tự khoan, tự taro - Chất liệu: Hợp kim titanium - Đường kính: 1,6mm - Chiều dài tối thiểu 4 cỡ từ 4mm đến 12mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		120

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
49	Nẹp vít hàm dưới răng hàm mặt				
49.1	Nẹp thẳng 4 lỗ hàm dưới	Cái	<p>Nẹp thẳng 4 lỗ hàm dưới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều dài: $\geq 25\text{mm}$ - Chiều dày: $1,3\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$ - Chiều rộng: $\geq 4\text{ mm}$ - Tương thích vít 2.4mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		30
49.2	Nẹp thẳng 6 lỗ hàm dưới	Cái	<p>Nẹp thẳng 6 lỗ hàm dưới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều dài: $\geq 50\text{mm}$ - Chiều dày $1,3\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$ - Chiều rộng: $\geq 4\text{ mm}$ - Tương thích vít 2.4mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		20
49.3	Nẹp nén ép 4 lỗ hàm dưới	Cái	<p>Nẹp nén ép 4 lỗ hàm dưới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Chiều dài: $\geq 30\text{mm}$ - Chiều dày: $1,3\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$ - Tương thích vít 2.4mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA 		30

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu về TSKT và các tiêu chuẩn	Yêu cầu Xuất xứ	Số lượng dự trữ
49.4	Vít đường kính 2.4mm	Cái	Vít hàm dưới 2.4mm - Chất liệu hợp kim titanium - Đường kính 2.4mm - Chiều dài tối thiểu 4 cỡ từ 4mm đến 12mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, có giấy chứng nhận EC hoặc FDA		360
50	Lưới thoát vị bệnh	Tấm	Lưới thoát vị đơn sợi, chất liệu Polypropylen, kích thước 15 x 10 cm, trọng lượng lưới nhẹ $\leq 39\text{g/m}^2$. Kích thước lỗ lưới $\leq 1,5\text{mm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G7	460
51	Dụng cụ cố định lưới thoát vị	Cái	Dụng cụ giúp cố định lưới thoát vị chất liệu Titanium có ≥ 30 ghim hình xoắn ốc, nòng $5\text{mm} \pm 5\%$ cao $3,8\text{mm} \pm 5\%$, rộng $4\text{mm} \pm 5\%$. Chiều dài phần chứa ghim $\leq 35,5\text{cm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G7	90
52	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc các số	Sợi	Chỉ tiêu thành phần Copolymer của acid glycolic và trimethylene carbonate, có gai đầu tù, hướng gai một chiều, một đầu có vòng, không cần buộc. Đủ các số 0, 2/0, 3/0, 4/0. Sợi chỉ dài $\geq 26\text{cm}$. - Kim tròn đầu nhọn, cong 1/2 vòng tròn, dài $\leq 26\text{mm}$. - Thời gian giữ vết thương: ≥ 21 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G7	640
Tổng số: 52 phần/ lô (60 mặt hàng)					

Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá báo giá số

/BVĐK-VTTBYT ngày /4/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...
Địa chỉ...
Điện thoại...
Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu	Hãng, nước Sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số lưu hành	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1											
2											
...											
Tổng số: ... mặt hàng											

Giá trên đã bao gồm phí, thuế và vận chuyển bốc xếp tại kho

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày theo chính sách bán hàng của đơn vị], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng 4 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)